UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1374 /QĐ-UBND	*Hải Dương, ngày 07 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất vật tư, thiết bị ngành nước và kinh doanh dịch vụ kho bãi, lưu giữ, vận tải hàng hóa" tại phường Long Xuyên, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương của Công ty TNHH MTV cơ khí và giao nhận kho vận DLH

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3078/STNMT-CCBVMT ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất vật tư, thiết bị ngành nước và kinh doanh dịch vụ kho bãi, lưu giữ, vận tải hàng hóa" của Công ty TNHH MTV cơ khí và giao nhận kho vận DLH; văn bản số 2805/CV-DLH ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Công ty TNHH MTV cơ khí và giao nhận kho vận DLH về việc chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 406/TTr-TNMT ngày 05 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất vật tư, thiết bị ngành nước và kinh doanh dịch vụ kho bãi, lưu giữ, vận tải hàng hóa" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV cơ khí và giao nhận kho vận DLH (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại lô CN2-1, CN4-1, CN5-1, Cụm công nghiệp Long Xuyên, phường Long Xuyên, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH MTV cơ khí và giao nhận kho vận DLH;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Kinh Môn;
- UBND phường Long Xuyên;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án "Nhà máy sản xuất vật tư, thiết bị ngành nước và kinh doanh dịch vụ kho bãi, lưu giữ, vận tải hàng hóa" tại phường Long Xuyên, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương của Công ty TNHH MTV cơ khí và giao nhận kho vận DLH

(Kèm theo Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất vật tư, thiết bị ngành nước và kinh doanh dịch vụ kho bãi, lưu giữ, vận tải hàng hóa.

- Địa điểm thực hiện: Lô CN2-1, CN4-1, CN5-1, Cụm công nghiệp Long Xuyên, phường Long Xuyên, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Chủ dự án: Công ty TNHH MTV cơ khí và giao nhận kho vận DLH.

- Địa chỉ liên hệ: Lô 44G, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Diện tích thực hiện dự án: 77.525,0m^2 thuộc CCN Long Xuyên, phường Long Xuyên, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Trong đó: diện tích xây dựng công trình 41.484,3 m^2, đất cây xanh và bãi đỗ xe 16.318,9 m^2, đất sân đường nội bộ 12.078,4 m^2, đất tôn giáo, tín ngưỡng 222,2 m^2 và đất nằm trong quy hoạch đường trục Đông - Tây thị xã Kinh Môn 7.358,2 m^2 *(theo Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của UBND thị xã Kinh Môn về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Dự án).*

- Công suất của Dự án:

+ Sản xuất van, vòi nước: 5.250 tấn sản phẩm/năm; phụ kiện vật tư ngành nước: 4.200 tấn sản phẩm/năm.

+ Dịch vụ vận tải hàng hóa: 7.350 tấn/km/năm.

+ Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, diện tích kho bãi 13.440 m^2.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Hoạt động sản xuất phụ kiện vật tư ngành nước:

+ Quy trình công nghệ sản xuất vật tư, phụ tùng PP, PVC, HDPE:

Hạt nhựa nguyên sinh (PP, HDPE, PVC, hạt phụ gia)→ Máy hút nhựa → Máy ép/đùn → Sản phẩm nhựa → Kiểm tra sản phẩm → Lắp ráp (linh kiện lắp đặt như cút, tê, măng xông, chếch,…)→ Kiểm tra chất lượng sản phẩm → Đóng gói → Nhập kho.

+ Quy trình công nghệ sản xuất vật tư phụ tùng hợp kim đồng:

Đồng cây → Cắt phôi → Dập nóng → Gia công cơ khí → Lắp ráp → Kiểm tra chất lượng sản phẩm → Đóng gói → Nhập kho.

- Hoạt động dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa và dịch vụ vận tải hàng hóa:

Công ty xây dựng kho hàng, kho bãi và lắp đặt các thiết bị phục vụ cho việc bốc dỡ, đóng gói, lưu trữ và bảo quản hàng hóa để cho khách hàng thuê; trang bị xe tải, xe nâng, máy cẩu,… phục vụ việc vận chuyển, lưu trữ hàng hóa.

Các loại hình, sản phẩm được phép cho thuê kho để lưu trữ là loại hình không nằm trong danh mục cấm của Nhà nước, cụ thể: hàng nông sản, gạo, đường, thức ăn chăn nuôi, máy móc thiết bị,…

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án

a) Hạng mục công trình

- Hạng mục công trình chính: Nhà xưởng 01 diện tích 5.400 m^2, nhà xưởng 02 diện tích 25.600 m^2, nhà xưởng 03 diện tích 5.400 m^2, nhà văn phòng điều hành (2 tầng) diện tích 2.378,5 m^2.

- Hạng mục công trình phụ trợ: Nhà để xe 1.358,8 m^2, nhà bảo vệ (6 nhà) 972,0 m^2, trạm biến áp và nhà bơm 225,0 m^2, đất giao thông nội bộ 12.078,4 m^2, đất cây xanh và bãi đỗ xe 16.381,9 m^2.

b) Hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25m^3/ngày đêm (150m^2).

- Khu vực chứa chất thải nguy hại (20m^2) và khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (50m^2) nằm trong nhà xưởng sản xuất (nhà xưởng số 02). Các đơn vị vào thuê nhà kho tự bố trí khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định của pháp luật.

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động thu dọn mặt bằng (thu dọn sinh khối, nạo vét bùn, bóc lớp phủ bề mặt đối với diện tích đất lúa).

- Hoạt động san lấp mặt bằng, thi công xây dựng các hạng mục công trình và lắp đặt máy móc, thiết bị. Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải.

- Hoạt động vận hành Dự án gồm: Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án; hoạt động kinh doanh cho thuê kho; hoạt động vận chuyển, lưu trữ hàng hóa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, nhà xưởng; hoạt động sản xuất của dự án (bao gồm sản xuất van, vòi nước và phụ kiện vật tư ngành nước); hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại Dự án và khách hàng.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Căn cứ theo Khoản 4, Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, yếu tố nhạy cảm về môi trường của Dự án là hoạt động chuyển đổi

khoảng 8.360,0 m^2 đất trồng lúa theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Ảnh hưởng của việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng 8.360,0m^2 đất trồng lúa nước 02 vụ.

- Hoạt động bóc lớp đất phủ bề mặt, nạo vét bùn hữu cơ: Phát sinh chất thải rắn.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, chất thải: Phát sinh bụi, khí thải; tiếng ồn.

- Hoạt động san lấp mặt bằng: Phát sinh bụi; tiếng ồn.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt máy móc thiết bị: Phát sinh bụi, khí thải; nước thải; chất thải rắn xây dựng; tiếng ồn; chất thải nguy hại; sự cố cháy nổ; tai nạn lao động; ngập úng.

- Hoạt động của công nhân xây dựng: Phát sinh nước thải; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động vận chuyển hàng hóa, sản phẩm: phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Hoạt động cho thuê, lưu trữ hàng hóa: phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và nước thải sinh hoạt (khách hàng, đơn vị vào thuê); sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố an toàn kho bãi.

- Hoạt động sản xuất của dự án: phát sinh bụi, tiếng ồn, nhiệt thừa, hơi nhựa, độ rung, chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị: phát sinh bụi, tiếng ồn, độ rung, chất thải nguy hại.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và khách hàng: Phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải từ bể phốt, hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong giai đoạn thi công xây dựng là 2,25 m^3/ngày, giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị là

0,225 m^3/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: các chất hữu cơ (BOD, COD), chất dinh dưỡng (tổng N, tổng P), chất rắn lơ lửng, Coliform.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ, thiết bị thi công: Khối lượng phát sinh 1,5 m^3/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ.

- Nước thải từ quá trình rửa xe: Khối lượng phát sinh khoảng 2,8 m^3/ngày trong giai đoạn thi công xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn:Thành phần chủ yếu là TSS, dầu mỡ… nồng độ ô nhiễm thấp.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân trong Công ty và khách hàng là 19,27 m^3/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: các chất hữu cơ (BOD, COD), chất dinh dưỡng (tổng N, tổng P), chất rắn lơ lửng, Coliform.

- Nước thải sản xuất: Nước làm mát gián tiếp thiết bị máy móc trong công đoạn dập nóng và công đoạn đùn ép nhựa được sử dụng tuần hoàn, không thải ra môi trường.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Bụi, khí thải từ hoạt động thi công san nền; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng; từ hoạt động của các máy móc thi công; từ hoạt động bốc dỡ nguyên, vật liệu; từ hoạt động thi công xây dựng công trình và lắp đặt máy móc thiết bị. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_2, SO_2.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, hàng hóa ra vào Dự án phátsinh chủ yếu là bụi, khí thải với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO_x, SO_2, VOC_s.

- Khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt, đùn ép hạt nhựa có nồng độ khoảng 1,22 mg/m^3. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Propylene, Etylen và Vinyl chloride.

- Bụi phát sinh từ hoạt động gia công cơ khí có nồng độ khoảng 6,67 mg/m^3.

- Nhiệt dư phát sinh từ công đoạn dập nóng.

- Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, các thùng chứa rác. Thông số ô nhiễm đặc trưng:NH_3, H_2S.

- Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: không đáng kể.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải do phát quang thảm thực vật gồm cây bụi, cỏ: Khối lượng khoảng 1,494 tấn.

- Đất hữu cơ từ quá trình bóc tầng đất mặt đất trồng lúa 02 vụ: Khối lượng khoảng 2.508,0 tấn.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công, xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng 367,815 -7.356,3 tấn trong toàn bộ giai đoạn thi công, xây dựng.Thành phần gồm vỏ bao xi măng, cặn vữa, bê tông thừa, đầu mẩu sắt thép, dây thép, cốp pha hỏng, gạch, đá.

- Chất thải rắn từ hoạt động di dời mộ: Khối lượng phát sinh khoảng 200 kg. Thành phần chủ yếu là đèn cầy, hàng mã, hoa quả, hương, gạch vỡ,…

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị: Khối lượng khoảng 300kg trong cả giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu: bao bì đựng máy móc thiết bị, ốc vít thải.

- Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 15 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy, túi nilong, đồ hộp, thực phẩm thừa,…

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất: Khối lượng phát sinh khoảng 1.450 kg/năm, bao gồm bụi, mạt phoi kim loại không dính dầu mỡ 730 kg; sản phẩm lỗi 500 kg; nhựa thừa (bavia nhựa) 220 kg.

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình kinh doanh, cho thuê kho bãi và vận tải hàng hóa: Khối lượng phát sinh khoảng 3.800 kg/năm, bao gồm: bao bì carton, băng dính, dây buộc phục vụ cho hoạt động đóng bọc sản phẩm 3.000 kg/năm; bao bì rách, hỏng từ hoạt động nhập nguyên liệu 420 kg/năm; nguyên liệu bị hỏng do bảo quản không tốt 180 kg/năm. Ngoài ra, trong quá trình đóng bọc sản phẩm, hàng hóa phục vụ quá trình vận tải còn phát sinh một lượng lớn bao bì carton, băng dính, dây buộc…ước tính khoảng 200 kg/năm.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, quá trình nạo vét hệ thống thoát nước mưa, nước thải khoảng500 kg/năm.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 151,5kg/ngày. Thành phần chủ yếu là giấy vụn, thức ăn thừa, bao bì chứa lương thực, thực phẩm,…

3.2.2.Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh trong toàn bộ quá trình thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị khoảng 509,92 kg. Thành phần chủ yếu gồm dầu mỡ

thải; đầu mẩu que hàn, xỉ hàn; vỏ thùng sơn; bóng đèn led vỡ, hỏng; găng tay, giẻ lau dính dầu; thùng chứa dầu mỡ và vải bẫy dầu.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án khoảng 1.073 kg/năm. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị và bóng đèn led thải, than hoạt tính đã qua sử dụng.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị tham gia thi công xây dựng, lắp đặt và các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị.

b) Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, hàng hóa của các đơn vị vào thuê; phương tiện giao thông ra vào Dự án và hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất tại dự án, hệ thống xử lý nước thải, khí thải.

3.4. Các tác động khác

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ; hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân xung quanh khu vực Dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, ngập úng,…

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động sản xuất của Dự án có thể xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố các công trình xử lý nước thải, khí thải; sự cố an toàn dịch vụ kho bãi.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- *Nước thải sinh hoạt:* Bố trí 03 nhà vệ sinh lưu động dung tích 1.000 lít/nhà. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bồn chứa chất thải mang đi xử lý theo đúng quy định.

- *Nước mưa chảy tràn:* Bố trí rãnh thu nước tạm xung quanh công trường thi công. Cuối hệ thống thu gom bố trí hố ga lắng cặn trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- *Nước thải thi công:*

+ Nước thải rửa xe: Bố trí 02 hố ga (kích thước B x L x H = 2m x 2m x 1,2 m và 2m x 1m x 1m) để thu gom nước thải và lắng cặn đất cát có trong nước thải, trước cửa thu vào hố ga lớn có đặt song chắn bằng lưới sắt để thu gom rác và vải bẫy dầu để tách váng dầu trên bề mặt. Nước thải sau khi lắng, lọc tại hố ga nhỏ được tái sử dụng vào mục đích rửa xe, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, tưới nước dập bụi trên công trường thi công. Vải bẫy dầu được thay thế định kỳ 1 tuần/lần và thu gom, xử lý cùng với các chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công.

+ Nước thải vệ sinh dụng cụ, thiết bị thi công: Bố trí hố ga có kích thước 1m×1m×1m để thu gom nước thải và lắng cặn. Nước thải sau lắng được tái sử dụng rửa dụng cụ, thiết bị thi công, tưới ẩm đường và khu vực thi công, không xả ra hệ thống thoát nước. Thường xuyên kiểm tra nạo vét, khơi thông không để vật liệu xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước tránh gây tắc nghẽn.

b) Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ bằng 02 bể tự hoại có tổng thể tích 42m^3; nước thải khu vực nhà ăn được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ kích thước 2m×1m×1m; nước thải sau xử lý sơ bộ theo đường ống PVC dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 25 m^3/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT mức A, giá trị C_{max} (với K = 1,2) trước khi thải ra mương tưới tiêu phía Tây Nam Dự án.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m^3/ngày đêm để xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân trong Công ty và của các đơn vị vào thuê kho bãi, khách hàng vào giao dịch như sau:

+ Quy trình công nghệ: Nước thải sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom (thu gom, tách rác, tách dầu mỡ) → Bể điều hoà (2,25m^3) → Bể thiếu khí (4,5m^3) → Bể hiếu khí MBBR (15m^3) → Bể lắng (2,7m^3) → Bể lọc vật liệu nổi (2,7 m^3) → Bể khử trùng (1,35m^3) → Nguồn tiếp nhận (Mương tưới tiêu phía Tây Nam dự án).

+ Vị trí xả thải: 01 điểm xả thải vào mương tưới tiêu phía Tây Nam dự án.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải thi công trong giai đoạn thi công, xây dựng đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường; thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom, hệ thống xử lý nước thải trước khi đưa Dự án vào vận hành, đảm bảo toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý đạt QCVN

14:2008/BTNMT mức A, giá trị C_{max} với K = 1,2 trước khi thải ra mương tưới tiêu phía Tây Nam Dự án.

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Vận chuyển đúng tải trọng xe, phủ bạt kín thùng xe, không chở quá tải trọng.

- Bố trí công nhân vệ sinh thu dọn đất, cát, chất thải,... rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển khi xảy ra sự cố.

- Lắp dựng hàng rào quây tôn cao từ 2-3m xung quanh khu vực thi công để cách ly và chống bụi.

- Không tập kết quá nhiều nguyên, vật liệu tại khu vực thi công khi chưa có nhu cầu sử dụng đến.

- Bố trí cầu rửa xe khu vực cổng ra vào công trường để rửa sạch gầm, bánh xe trước khi ra khỏi công trường.

- Phun nước tưới đường vận chuyển để giảm bụi tần suất tối thiểu 2 lần/ngày.

b) Giai đoạn vận hành

- Giảm thiểu bụi và khí thải do các phương tiện giao thông: Định kỳ quét dọn và phun ẩm quãng đường xe di chuyển trong khu vực Công ty nhằm làm giảm lượng bụi phát sinh với tần suất ít nhất 01 lần/ngày; bê tông hóa các tuyến đường chính; trồng cây xung quanh khu vực Dự án.

- Biện pháp giảm thiểu hơi nhựa: Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính, công suất 2.500 m^3/h như sau:

+ Quy trình xử lý: Hơi nhựa (VOC) → Ống dẫn khí → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí ra môi trường

+ Thông số kỹ thuật: Ống dẫn khí bằng vật liệu composite, đường kính D200 (mm); tháp hập phụ than hoạt tính kích thước DxRxH=1.000x500x500 (mm), bên trong đặt 3 khay than hoạt tính kích thước DxRxH = 100x500x500 (mm)/khay; quạt hút lưu lượng 2.500m^3/h; ống thoát khí thải bằng inox 304, đường kính D400, chiều cao H=6m.

+ Hóa chất sử dụng: Than hoạt tính 80kg, tần suất thay than hoạt tính 2 lần/năm. Tổng lượng than hoạt tính sử dụng trong một năm là 160 kg/năm.

- Thông thoáng nhà xưởng nhằm đảm bảo cho môi trường làm việc bằng biện pháp tự nhiên kết hợp với quạt thông gió, quạt công nghiệp.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành Dự án.

- Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh trong quá trình vận hành các hạng mục, công trình của Dự án đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả ra môi trường.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn do phát quang thảm thực vật: Khuyến khích các hộ dân thu hoạch lúa, hoa màu trước khi được cơ quan có thẩm quyền giao đất để tránh lãng phí cũng như giảm thiểu khối lượng sinh khối cần loại bỏ.

- Đất hữu cơ được tập kết tại công trường và tận dụng một phần để trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án, phần còn lại được thu gom, quản lý và sử dụng theo đúng quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Chất thải xây dựng: Gạch vụn, vật liệu xây dựng rơi vãi thu gom dùng cho san lấp mặt bằng; vỏ bao xi măng, sắt thép thu gom bán cho cơ sở thu mua phế liệu; chất thải còn lại được tập kết tại công trường, phủ bạt che chắn và hợp đồng với đơn vị có chức năng để mang đi xử lý theo quy định.

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí 03 thùng rác có nắp đậy,dung tích 50 lít/thùng để thu gom tạm chứa trong ngày, sau đó thuê đơn vị môi trường địa phương vận chuyển đến nơi tập kết của khu vực.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 10 thùng nhựa có nắp đậy, loại dung tích 10 lít và 50 lít tại khu văn phòng và nhà ăn ca để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh. Hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải của địa phương hàng ngày đến vận chuyển và xử lý theo quy định. Ngoài ra, tại các nhà kho cho thuê, các đơn vị vào thuê tự bố trí các thùng rác để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh của mình.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Công ty bố trí khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (diện tích 50 m^2) trong khu vực xưởng sản xuất (xưởng số 02). Hợp đồng với đơn vị thu mua phế liệu đối với phần chất thải tái chế; phần không tái chế được sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Các đơn vị vào thuê tự thu gom, phân loại và tự bố trí khu vực chứa chất thải thông thường trong nhà kho xin thuê. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với bùn thải từ các hố ga, bể phốt, hệ thống xử lý nước thải: Thuê đơn vị có chức năng định kỳ tới nạo vét, vận chuyển và xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Trang bị các thùng chứa dung tích 100 lít/thùng, có dán nhãn chất thải nguy hại theo quy định để thu gom chất thải.

- Mỗi loại CTNH được thu gom, phân loại, lưu trữ vào mỗi thùng chứa riêng, bên ngoài thùng dán nhãn CTNH theo đúng quy định đặt trong khu vực chứa chất thải tạm thời diện tích khoảng 5m^2 tại công trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển chất thải mang đi xử lý.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải được phân loại tại nguồn, bố trí các thùng chứa dung tích 200 lít/thùng đặt tại khu vực chứa chất thải nguy hại (diện tích 20m^2) trong xưởng sản xuất (xưởng số 02). Khu vực chứa có cửa ra vào, biển cảnh báo theo quy định. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Tuân thủ các quy định về tổ chức thi công; bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công vào ban đêm. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị và phương tiện thi công.

b) Giai đoạn vận hành

- Kiểm tra sự cân bằng của hệ thống máy móc, thiết bị khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ các máy móc, phương tiện để phát hiện hỏng hóc và có phương án khắc phục kịp thời.

- Các khách hàng vào thuê kho chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Trồng nhiều cây xanh quanh khuôn viên Dự án để giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường: Đáp ứng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Sự cố cháy nổ: Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy chữa cháy, lắp đặt các biển báo đề phòng cháy nổ tại khu vực công trường thi công; không để các nguyên vật liệu dễ gây cháy gần nguồn phát sinh nhiệt. Phối hợp với cơ quan chức năng để rà phá bom mìn trước khi thi công xây dựng Dự án.

- Sự cố an toàn lao động, an toàn giao thông: Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân thi công, lắp dựng hàng rào tôn chắc chắn cao 2-3m xung quanh công trường thi công; đối với công nhân thi công phải được huấn luyện về an toàn lao động, an toàn giao thông.

- Sự cố ngập úng: Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước tạm thời xung quanh diện tích Dự án. Không tập kết quá nhiều nguyên, vật liệu chưa sử dụng tại công trường. Che chắn phủ kín bãi tập kết để tránh nguyên, vật liệu cuốn theo nước mưa. Thường xuyên nạo vét tuyến mương xung quanh.

b) Giai đoạn vận hành

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải:

+ Biện pháp phòng ngừa: Bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn trực tiếp vận hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của các thiết bị xử lý nước thải. Đầu tư dây chuyền công nghệ tiên tiến, xử lý hiệu quả; máy móc thiết bị hiện đại. Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp. Hệ thống xử lý nước thải được vận hành liên tục. Bố trí các thiết bị dự phòng thay thế kịp thời khi hệ thống gặp sự cố.

+ Biện pháp ứng phó: Khi phát hiện sự cố của hệ thống xử lý nước thải phải dừng việc xả nước thải ra ngoài môi trường, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời tại các ngăn chứa trong hệ thống và bể chứa nước thải sau xử lý để tiến hành khắc phục, sửa chữa. Sau khi sửa chữa, khắc phục xong, nước thải các ngăn được bơm lại bể gom để tiếp tục quy trình xử lý. Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải kéo dài không thể khắc phục thì chủ dự án phải thuê đơn vị có chức năng hút nước thải mang đi xử lý trong thời gian khắc phục.

- Sự cố hệ thống xử lý khí thải:

+ Biện pháp phòng ngừa: Đào tạo nhân viên kỹ thuật nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra; thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện

pháp kịp thời ứng phó sự cố; thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

+ Biện pháp ứng phó: Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại Mục 4.1.2 Quyết định này phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải ra môi trường và dừng hoạt động phát sinh khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Sự cố cháy nổ: Trang bị các trang thiết bị PCCC (trụ cứu hỏa, bể PCCC), bố trí các đèn chiếu sáng, tiêu lệnh PCCC, bình bột chữa cháy tại các khu vực thuận tiện, dễ nhìn. Tiến hành huấn luyện về PCCC cho cán bộ, công nhân.

- Sự cố an toàn dịch vụ kho bãi: Trang bị biển báo tải trọng; sử dụng thiết bị bảo hộ (thiết bị bảo hộ cho người lao động và thiết bị bảo hộ kệ chứa hàng); trang bị các thiết bị an toàn khác như bình chữa cháy, chỉ dẫn lối thoát hiểm phải được đánh dấu rõ ràng; bồi dưỡng kiến thức an toàn, kiến thức và kỹ năng vận hành kho cho người lao động; tối ưu hóa không gian chứa hàng; thường xuyên giám sát hoạt động kho để loại bỏ các mối nguy hiểm tiềm ẩn.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Giám sát không khí xung quanh

+ Vị trí quan trắc: Khu vực cổng ra vào của công trường; khu vực trung tâm công trường xây dựng.

+ Thông số quan trắc: Bụi, tiếng ồn, độ rung, CO, NO_2, SO_2.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

+ Tần suất: 03 tháng/lần trong giai đoạn thi công.

- Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

+ Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành

- Giám sát nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát nước thải theo quy định tại khoản 1, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Giám sát khí thải

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát khí thải theo quy định tại Khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

+ Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án; chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tại các khu vực triển khai thi công theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường để vận hành thử nghiệm

công trình xử lý chất thải của Dự án theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hoạt động của Dự án./.